

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2021**



## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>1</b>
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	<b>2</b>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN</b>	<b>3 - 4</b>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>5</b>
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	<b>6</b>
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>7 - 28</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Huy Thành  
Bà Đặng Thị Tuyết Lan  
Ông Dương Quang Đông  
Bà Vương Bảo Yến  
Bà Trần Thúy Loan

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

#### Ban giám đốc

Ông Phạm Đình Trung  
Ông Dương Quang Đông  
Bà Đặng Thị Tuyết Lan

TGD (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021)  
Phó TGD  
Phó TGD

#### Ban Kiểm soát

Bà Phạm Tuyết Nhung  
Bà Nguyễn Thị Hạnh  
Bà Nguyễn Thị Mai

Trưởng Ban  
Thành viên  
Thành viên

#### Đại diện pháp luật

Ông Phạm Huy Thành

Chủ tịch HĐQT

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Công ty



Phạm Huy Thành

Chủ tịch HĐQT

Ngày 10 tháng 08 năm 2021



Số: 0608 /2021/BCSX-KTV/HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội**



**VŨ TRƯỜNG GIANG – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4145-2017-037-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Mẫu số B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>480.075.132.989</b>	<b>504.771.634.730</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>35.089.889.091</b>	<b>20.440.647.731</b>
1. Tiền	111	V.1	35.089.889.091	20.440.647.731
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>331.880.894.101</b>	<b>391.180.284.544</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	177.877.528.448	158.628.931.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	148.094.504.436	215.416.974.281
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.970.144.717	17.195.662.229
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.283.500)	(61.283.500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>112.629.065.249</b>	<b>92.832.258.192</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	112.629.065.249	92.832.258.192
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>475.284.548</b>	<b>318.444.263</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	120.303.169	2.001.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		354.981.379	316.443.051
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>320.362.214.966</b>	<b>279.191.075.403</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.685.913.753</b>	<b>46.260.423.142</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	46.685.913.753	46.260.423.142
- Nguyên giá	222		69.877.100.391	65.279.500.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.191.186.638)	(19.019.077.249)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.241.610.304</b>	<b>3.876.277.334</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.241.610.304	3.876.277.334
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.8	<b>266.400.000.000</b>	<b>229.000.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		202.000.000.000	178.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.400.000.000	51.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>34.690.909</b>	<b>54.374.927</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	34.690.909	54.374.927
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>800.437.347.955</b>	<b>783.962.710.133</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Mẫu số B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>53.817.844.360</b>	<b>50.161.418.979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.821.186.048</b>	<b>49.708.585.663</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	29.539.555.632	15.007.434.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	5.415.103.957	2.957.328.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.263.183.330	7.264.190.929
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		12.586.222.991	11.300.812.416
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	712.300.008	12.870.000.008
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		304.820.130	308.820.130
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.996.658.312</b>	<b>452.833.316</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	1.996.658.312	452.833.316
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>746.619.503.595</b>	<b>733.801.291.154</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>746.619.503.595</b>	<b>733.801.291.154</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		680.952.000.000	680.952.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		680.952.000.000	680.952.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(105.794.733)	(105.794.733)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.088.291.811	2.088.291.811
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.685.006.517	50.866.794.076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.866.794.076	22.135.859.110
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.818.212.441	28.730.934.966
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>800.437.347.955</b>	<b>783.962.710.133</b>



**Phạm Huy Thành**  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 10 tháng 08 năm 2021

**Nguyễn Thị Bích**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Quyên**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	324.642.624.369	364.218.414.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	324.642.624.369	364.218.414.468
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	305.179.159.735	329.422.841.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.463.464.634	34.795.572.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.511.188	2.288.847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	288.771.221	721.391.889
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		288.771.221	726.473.117
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	718.559.538	202.386.223
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.382.272.372	2.037.574.523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.076.372.691	31.836.509.049
11. Thu nhập khác	31		3	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		3	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.076.372.694	31.836.509.049
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	3.258.160.253	6.374.501.810
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.818.212.441	25.462.007.239
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	188	608



**Phạm Huy Thành**  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 10 tháng 08 năm 2021

**Nguyễn Thị Bích**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Quyên**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.076.372.694	31.836.509.049
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.172.109.389	4.210.780.050
- Các khoản dự phòng	03		-	(5.081.228)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.511.188)	(2.288.847)
- Chi phí lãi vay	06		288.771.221	726.473.117
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.534.742.116	36.766.392.141
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		59.260.852.115	35.745.159.528
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.807.131.926)	(40.853.185.879)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.270.300.385	(22.996.325.870)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(98.617.939)	(80.548.711)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(288.771.221)	(726.473.117)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.247.835.384)	(3.617.225.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		70.623.538.146	4.237.793.037
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.962.932.970)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.400.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.511.188	2.288.847
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.360.421.782)	2.288.847
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.326.500.000	18.251.500.004
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(12.940.375.004)	(16.747.000.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.613.875.004)	1.504.499.996
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.649.241.360	5.744.581.880
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.440.647.731	19.540.261.951
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	35.089.889.091	25.284.843.831



Phạm Huy Thành  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 10 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Bích  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập biểu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0102382580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007, Thay đổi lần thứ 18 ngày 11/12/2020;

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng. Chi tiết: Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại, đèn, thiết bị phụ và bóng đèn; sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định).
  - Xây dựng nhà các loại
  - Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và các công trình đô thị nhóm B,C; Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình dây trạm biến áp thế điện 35kw.
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây dựng, ngói, đá, cát, sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện tử); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
  - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- Văn phòng giao dịch tại:** Số 7 lô N1 Hồ Đình B, phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Nhà máy của công ty đặt tại:** Xóm Ao Kênh, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Do tình hình dịch bệnh COVID-19 đang bùng phát trên toàn thế giới nói chung cũng như tại Việt Nam đến thời điểm hiện tại là lần thứ 4. Tuy nhiên, Ban giám đốc và Hội đồng quản trị tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty không có tác động trọng yếu lên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021. Ban Lãnh đạo Công ty vẫn đang theo dõi, đánh giá những ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh COVID-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới cũng như chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch ứng phó cho phù hợp với tình hình dịch bệnh.

**I. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Giả thiết về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần

Quản trị Công ty vẫn đang tiến hành lập Báo cáo tài chính trên giả định hoạt động liên tục

**2. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

**4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư khác***

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:***

**Mức trích lập dự phòng**

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**8. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**9. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Tiền mặt	2.811.697.013	1.643.348.142
Tiền gửi ngân hàng	32.278.192.078	3.797.299.589
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.089.889.091</b>	<b>20.440.647.731</b>

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty Cổ phần HAWEE Xây Dựng Công nghiệp	1.509.247.261	16.845.428.050
- Công ty Cổ phần Meppro	34.823.410.542	16.724.134.341
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam thắng long	31.437.748.760	31.437.748.760
- Công ty TNHH Ánh Sáng Tiên Dư	11.388.109.440	18.902.591.740
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại An Thuận	39.964.220.250	-
- Các khách hàng khác	58.754.792.195	74.719.028.643
<b>Cộng</b>	<b>177.877.528.448</b>	<b>158.628.931.534</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Công ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Kim Khí Thành Hưng	50.634.864.371	14.734.705.140
- Công ty TNHH VIDECON Hà Thành	95.558.586.699	78.268.475.969
- Công ty TNHH Thương Mại Hà Vĩnh	-	40.000.000.000
- Công ty Cổ phần Văn Phong Toàn Cầu	1.383.735.692	81.438.785.076
- Các khoản phải thu khách hàng khác	517.317.674	975.008.096
<b>Cộng</b>	<b>148.094.504.436</b>	<b>215.416.974.281</b>

**4. Phải thu khác**

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Tạm ứng	5.970.000.000	-	17.195.558.312	-
- Phải thu khác	144.717	-	103.917	-
<b>Cộng</b>	<b>5.970.144.717</b>	<b>-</b>	<b>17.195.662.229</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**5. Hàng tồn kho**

	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu kỳ</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	17.349.614.923	-	22.097.590.466	-
- Chi phí SX, KD dở dang	1.019.451.126	-	-	-
- Thành phẩm	31.190.115.966	-	23.104.691.307	-
- Hàng hóa	63.069.883.234	-	47.629.976.419	-
<b>Cộng</b>	<b>112.629.065.249</b>	<b>-</b>	<b>92.832.258.192</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>120.303.169</b>	<b>2.001.212</b>
- Các khoản khác	120.303.169	2.001.212
<b>b. Dài hạn</b>	<b>34.690.909</b>	<b>54.374.927</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	34.690.909	54.374.927
<b>Cộng</b>	<b>154.994.078</b>	<b>56.376.139</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	21.578.921.664	41.668.114.759	1.909.368.727	123.095.241	65.279.500.391
Mua trong kỳ	-	-	4.597.600.000	-	4.597.600.000
Phân loại lại	-	88.095.241	-	(88.095.241)	-
Số dư cuối kỳ	21.578.921.664	41.756.210.000	6.506.968.727	35.000.000	69.877.100.391
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	7.744.551.716	10.281.975.208	869.455.084	123.095.241	19.019.077.249
Khấu hao trong kỳ	1.094.193.318	2.696.672.136	381.243.935	-	4.172.109.389
Phân loại lại	-	88.095.241	-	(88.095.241)	-
Số dư cuối kỳ	8.838.745.034	13.066.742.585	1.250.699.019	35.000.000	23.191.186.638
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	13.834.369.948	31.386.139.551	1.039.913.643	-	46.260.423.142
Tại ngày cuối kỳ	12.740.176.630	28.689.467.415	5.256.269.708	-	46.685.913.753

**Trong đó:**

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 5.008.241.454 VND

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp: 5.256.269.708 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
<b>* Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
- Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL (1)	202.000.000.000	-	-	178.000.000.000
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sơn Phú Yên (2)	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
- Công ty Cổ phần Zone Việt (3)	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung (4)	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
- Công ty Cổ phần Green Island (5)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
	40.000.000.000	-	-	16.000.000.000
<b>* Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến (6)	64.400.000.000	-	-	51.000.000.000
- Công ty Cổ phần PJACA GROUP (7)	13.400.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên (8)	36.000.000.000	-	-	36.000.000.000
	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>266.400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>229.000.000.000</b>

(i) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các Khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL (1)	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sơn Phú Yên (2)	48,00%	48,00%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng
- Công ty Cổ phần Zone Việt (3)	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung (4)	41,67%	41,67%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Green Island (5)	20,00%	20,00%	Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

## Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

#### Đầu tư vào đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến (6)	5,00%	5,00%	Cung cấp các dịch vụ thể thao, du lịch
- Công ty Cổ phần PJACA GROUP (7)	12,00%	12,00%	Xây dựng nhà các loại; sản xuất các loại bao bì nhựa; chai pet; các sản phẩm và vỏ hộp từ nhựa
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên (8)	15,00%	15,00%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa

#### (1) Công ty CP VCADO GLOBAL

Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 67/QĐ-VN của Công ty ngày 30/03/2015 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL) số tiền góp vốn là 12.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên từ trước thời điểm 31/12/2015.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12121/NQ-HĐQT ngày 12/12/2018, Công ty góp thêm 36.000.000.000 đồng, tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL là 120.000.000.000 đồng.

Hiện tại Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ; năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi. Tại ngày 01/01/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 4.221.891 đồng, vốn chủ sở hữu là 120.286.820.647 đồng.

#### (2) Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên

Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên, tổng số vốn góp 18.000.000.000 chiếm 60% vốn điều lệ của MBG Lạc Sanh Phú Yên.

Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 111201/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11/12/2017 về việc không mua thêm cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên làm giảm tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của Công ty từ 60% vốn điều lệ xuống còn 36%.

Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 110701/2019/QĐ-HĐQT ngày 11/07/2019 về việc thay đổi người đại diện phần vốn góp và nhận chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 6.000.000.000 đồng để nâng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên từ 18.000.000.000 đồng lên 24.000.000.000, chiếm 48% tổng số vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên.

Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư số 1414/QĐ-UBND Tỉnh Phú Yên ngày 10/09/2019 đối với dự án "Du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Lạc Sanh với tổng vốn đầu tư khoảng 196,65 tỷ đồng" mục đích phục vụ nhu cầu du lịch của du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển ngành du lịch tỉnh Phú Yên. Công ty đang triển khai và hoàn tất các thủ tục đầu tư theo kế hoạch đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt.

Hiện tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tại ngày 01/01/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 194.844.374 đồng, vốn chủ sở hữu là 50.381.781.153 đồng. Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Phạm Huy Thành.

#### (3) Công ty Cổ phần Zone Việt

Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 231101/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 23/11/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Zone Việt, số tiền góp vốn là 40.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 30/11/2017.

Hiện tại Công ty Cổ phần Zone Việt đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ; năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi. Tại ngày 01/01/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 86.816.998 đồng, vốn chủ sở hữu là 100.469.767 đồng.

Công ty Cổ phần Zone Việt được đổi tên từ Công ty CP MBG Hoà Bình từ ngày 20/01/2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**(4) Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung**

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 14/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung, số tiền góp vốn là 80.000.000.000 đồng tương đương 66,67% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 27/12/2018.
- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1 theo quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Xin cấp thông tin quy hoạch, môi trường, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường...
- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 091201/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 09/12/2019 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty CP Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 11.000 đồng/cổ phần. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty còn sở hữu 50.000.000.000 đồng vốn góp tương đương với 5.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung chiếm tỷ lệ sở hữu 41,67% vốn điều lệ.
- Hiện tại Công ty Công nghiệp Miền Trung đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tại ngày 01/01/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 41.865.150 đồng, vốn chủ sở hữu là 120.090.021.656 đồng.

**(5) Công ty Cổ phần Green Island**

- Theo Quyết định số 2231/UBND-NNTN ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hoà Bình chủ trương cho Công ty CP Tập đoàn MBG nghiên cứu, khảo sát, lập dự án Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, UBND tỉnh có ý kiến đồng ý chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG được nghiên cứu, khảo sát lập dự án Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí trên khu đất có diện tích khoảng 16,3 ha tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình.
- Hiện tại, dự án đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hình thành tài sản cố định. Tại ngày 01/01/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 114.264.732 đồng, vốn chủ sở hữu là 80.114.264.732 đồng.

**(6) Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến**

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến theo Quyết định của hội đồng quản trị số 0601/2021/QĐ-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2021; Giá trị vốn góp 13.400.000.000 đồng chiếm 5% vốn điều lệ của công ty; Người đại diện pháp luật của công ty là ông Phạm Mạnh Cường
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến vẫn đang trong giai đoạn xin cấp phép triển khai dự án.

**(7) Công ty CP PJACA GROUP**

- Theo quyết định của Hội đồng quản trị số 13/QĐ ngày 24/12/2015, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Việt Nam (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần PJACA GROUP) số tiền góp vốn là 24.000.000.000 đồng tương đương 30% vốn điều lệ. Sau khi công ty cổ phần PJACA GROUP tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ, công ty chiếm 12% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên từ trước thời điểm 31/12/2015.
- Khi vốn điều lệ của Công ty Cổ phần PJACA GROUP tăng lên 300 tỷ thì theo quyết định của Hội đồng quản trị số 200901/QĐ-HĐQT ngày 20/09/2018 về việc mua thêm cổ phần của PJACA GROUP, ngày 26/09/2018 Công ty góp thêm 12.000.000.000 đồng nâng số vốn góp của Công ty tại PJACA GROUP lên 36.000.000.000 đồng tương đương chiếm 12% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần PJACA GROUP.
- Hiện tại PJACA GROUP đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty CP PJACA GROUP là Bà Đặng Thị Tuyết Lan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****(8) Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên**

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 170901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 17/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên, số tiền góp vốn là 15.000.000.000 đồng tương đương 15% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 04/10/2018.  
Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên được chấp thuận chủ trương đầu tư Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp theo quyết định số 151/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng. Công ty đã sơ bộ hoàn tất các thủ tục pháp lý và chuẩn bị khởi công dự án.  
- Hiện tại Công ty CP PJACA Phú Yên đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tại ngày 01/01/2021 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 717.720.322 đồng, vốn chủ sở hữu là 100.941.169.379 đồng.  
Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Đặng Thị Tuyết Lan.

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam	25.270.071.984	25.270.071.984	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn R&H	1.248.390.000	1.248.390.000	12.493.128.560	12.493.128.560
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	3.021.093.648	3.021.093.648	2.514.305.620	2.514.305.620
<b>Cộng</b>	<b>29.539.555.632</b>	<b>29.539.555.632</b>	<b>15.007.434.180</b>	<b>15.007.434.180</b>

**10. Người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đồng Bạch Dương	703.000.000	703.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	1.728.668.400	1.728.668.400	1.728.668.400	1.728.668.400
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Thanh Tùng	1.044.593.500	1.044.593.500	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tuấn Hưng	1.502.889.500	1.502.889.500	-	-
- Công ty Cổ phần Xuân Nam Việt	435.952.557	435.952.557	1.147.000.000	1.147.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	-	-	81.659.600	81.659.600
<b>Cộng</b>	<b>5.415.103.957</b>	<b>5.415.103.957</b>	<b>2.957.328.000</b>	<b>2.957.328.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Phải thu đầu kỳ	Phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Phải thu cuối kỳ	Phải nộp cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	-	273.765	273.765	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.247.835.384	3.258.160.253	7.247.835.384	-	3.258.160.253
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.355.545	5.023.077	16.355.545	-	5.023.077
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>7.264.190.929</b>	<b>3.268.457.095</b>	<b>7.269.464.694</b>	-	<b>3.263.183.330</b>

**12. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	712.300.008	712.300.008	782.675.004	12.940.375.004	12.870.000.008	12.870.000.008
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	-	12.623.000.000	12.623.000.000	12.623.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - CN Đồng Đa	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Sở giao dịch (MSB)	-	-	-	7.123.000.000	7.123.000.000	7.123.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	712.300.008	712.300.008	782.675.004	317.375.004	247.000.008	247.000.008
Công ty TNHH MTV tài chính Toyota Việt Nam(1)	247.000.008	247.000.008	123.500.004	123.500.004	247.000.008	247.000.008
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ(2)	465.300.000	465.300.000	659.175.000	193.875.000	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN**

<b>b. Vay dài hạn</b>									
Công ty TNHH MTV tài chính Toyota Việt Nam (1)	1.996.658.312	1.996.658.312	2.326.500.000	782.675.004	452.833.316	452.833.316			
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ (2)	329.333.312	329.333.312	-	123.500.004	452.833.316	452.833.316			
	1.667.325.000	1.667.325.000	2.326.500.000	659.175.000	-	-			
<b>Cộng</b>	<b>2.708.958.320</b>	<b>2.708.958.320</b>	<b>3.109.175.004</b>	<b>13.723.050.008</b>	<b>13.322.833.324</b>	<b>13.322.833.324</b>			

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1000405327 ngày 30/10/2019 với Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam. Giá trị khoản vay: 988.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Lãi suất: 6,99%/năm áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng/lần
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô con 5 chỗ hiệu Toyota màu đen
- Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 48 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán mỗi kỳ là 20.583.334 VND
- (2) Hợp đồng vay số 6967.21.051.1970764 ngày 02/02/2021 với Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ. Hạn mức cho vay: 2.326.500.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng bán hàng số: HAN2021-0004 ký ngày 21/01/2021 giữa chi nhánh Công ty CP Liên Á Quốc tế và Công ty CP tập đoàn MBG
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô; số khung: WAUZZZ4MXLD015453; số máy: DCB210618; biển kiểm soát 30G-859.54 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp. Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa: 55%.
- Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 60 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán mỗi kỳ là 38.775.000 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Quận Hoàng Mai,  
TP. Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày  
30 tháng 06 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****13. Vốn chủ sở hữu****13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>					
Số dư đầu năm	418.400.000.000	(105.794.733)	2.088.291.811	35.534.836.094	455.917.333.172
Tăng vốn	262.552.000.000	-	-	-	262.552.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	28.730.934.966	28.730.934.966
Chia cổ tức	-	-	-	(13.398.976.984)	(13.398.976.984)
Số dư cuối năm	680.952.000.000	(105.794.733)	2.088.291.811	50.866.794.076	733.801.291.154
<b>NĂM NAY</b>					
Số dư đầu kỳ	680.952.000.000	(105.794.733)	2.088.291.811	50.866.794.076	733.801.291.154
Lãi trong kỳ	-	-	-	12.818.212.441	12.818.212.441
Số dư cuối kỳ	680.952.000.000	(105.794.733)	2.088.291.811	63.685.006.517	746.619.503.595



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI  
CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**13.2 Số lượng cổ phiếu**

	<b>Cuối năm</b> <b>Cổ phiếu</b>	<b>Đầu năm</b> <b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>68.095.200</b>	<b>68.095.200</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>68.095.200</b>	<b>68.095.200</b>
Cổ phiếu phổ thông	68.095.200	68.095.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>68.095.200</b>	<b>68.095.200</b>
Cổ phiếu phổ thông	68.095.200	68.095.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>324.642.624.369</b>	<b>364.218.414.468</b>
Doanh thu bán hàng hóa	215.252.945.301	272.041.281.430
Doanh thu sản xuất, dịch vụ xây lắp	109.389.679.068	92.177.133.038
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>324.642.624.369</b>	<b>364.218.414.468</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>200.333.971.230</b>	<b>249.816.915.051</b>
Giá vốn xây lắp	104.845.188.505	79.605.926.580
<b>Cộng</b>	<b>305.179.159.735</b>	<b>329.422.841.631</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Lãi tiền gửi, tiền cho vay</b>	<b>2.511.188</b>	<b>2.288.847</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.511.188</b>	<b>2.288.847</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>288.771.221</b>	<b>726.473.117</b>
Chi phí tài chính khác	-	(5.081.228)
<b>Cộng</b>	<b>288.771.221</b>	<b>721.391.889</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Chi phí nhân viên bán hàng</b>	<b>696.059.538</b>	<b>145.282.231</b>
Chi phí khác bằng tiền	22.500.000	57.103.992
<b>Cộng</b>	<b>718.559.538</b>	<b>202.386.223</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
Chi phí nhân viên quản lý	948.157.902	733.457.650
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	77.616.059	48.406.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.716.269	328.049.604
Thuế phí và lệ phí	31.966.666	31.966.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.386.946	799.694.316
Chi phí khác bằng tiền	132.428.530	96.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.382.272.372</b>	<b>2.037.574.523</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>16.076.372.694</b>	<b>31.836.509.049</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>214.428.571</b>	<b>36.000.000</b>
Thay đổi trong dự phòng phải thu khó đòi	-	36.000.000
Chi phí không hợp lý hợp lệ	214.428.571	-
<b>Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước</b>	<b>16.290.801.265</b>	<b>31.872.509.049</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>16.290.801.265</b>	<b>31.872.509.049</b>
Thu nhập miễn thuế	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>16.290.801.265</b>	<b>31.872.509.049</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.258.160.253</b>	<b>6.374.501.810</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.061.347.810	53.473.393.474
Chi phí nhân công	2.023.373.440	1.358.619.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.172.109.389	4.210.780.050
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.785.624.363	69.375.594.676
Chi phí khác bằng tiền	236.695.196	127.966.666
<b>Cộng</b>	<b>146.279.150.198</b>	<b>128.546.354.747</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.818.212.441	25.462.007.239
Các khoản điều chỉnh:	-	143.654.675
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>		
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	-	143.654.675
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.818.212.441	25.605.661.914
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	68.095.200	42.110.457
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>188</b>	<b>608</b>

(\*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020, Cụ thể Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 287.309.350 VND

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Thông tin về các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
- Công ty Cổ phần PJACA GROUP	Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sơn Phú Yên	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Zone Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Green Island	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Người đại diện pháp luật là ông Phạm Mạnh Cường – Anh trai Ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch HĐQT- Người đại diện pháp luật Công ty
- Bà Đặng Thị Tiệp	Mẹ vợ ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật Công ty

**Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Số dư</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Người mua trả tiền trước	1.728.668.400	1.728.668.400



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

<b>Giao dịch với bên liên quan</b>		
<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
- Ông Phạm Huy Thành	Thuê văn phòng	120.000.000
- Bà Đặng Thị Tiệp	Thuê văn phòng	48.000.000
- Công ty Cổ phần Green Island	Góp vốn	24.000.000.000
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Góp vốn	13.400.000.000

**Thu nhập của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>		
Phạm Huy Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị	105.486.769	104.538.077
Đặng Thị Tuyết Lan - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Vương Bảo Yến - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Trần Thúy Loan - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Dương Quang Đông - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>		
Phạm Tuyết Nhung - Trưởng Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Hạnh - Thành viên Ban kiểm soát	6.000.000	6.000.000
Nguyễn Thị Mai - Thành viên Ban kiểm soát	6.000.000	6.000.000
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
Phạm Đình Trung - Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021)	150.486.769	-
Đặng Thị Tuyết Lan - Phó Tổng Giám đốc	60.486.769	59.538.077
Dương Quang Đông - Phó Tổng Giám đốc	51.486.769	50.538.077
<b>Cộng</b>	<b>439.947.077</b>	<b>286.614.231</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Kỳ kế toán 06 tháng năm 2021 đơn vị Hoạt động Trong nước. Do vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	<b>Xây lắp</b>	<b>Bán hàng hóa</b>	<b>Không phân bổ</b>	<b>Cộng</b>
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng	109.389.679.068	215.252.945.301	-	324.642.624.369
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	4.544.490.563	14.918.974.071	-	19.463.464.634
Chi phí không phân bổ	-	-	3.100.831.910	3.100.831.910
Doanh thu tài chính	-	-	2.511.188	2.511.188
Chi phí tài chính	-	-	288.771.221	288.771.221
Thu nhập khác	-	-	3	3
Chi phí khác	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-
Chi phí thuế	-	-	3.258.160.253	3.258.160.253
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.544.490.563</b>	<b>14.918.974.071</b>	<b>(6.645.252.193)</b>	<b>12.818.212.441</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản bộ phận	51.369.354.431	221.733.818.659	-	273.103.173.090
Tài sản không phân bổ	-	-	527.334.174.865	527.334.174.865
<b>Tổng tài sản</b>	<b>51.369.354.431</b>	<b>221.733.818.659</b>	<b>527.334.174.865</b>	<b>800.437.347.955</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả bộ phận	1.429.531.976	33.525.127.613	-	34.954.659.589
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	18.863.184.771	18.863.184.771
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.429.531.976</b>	<b>33.525.127.613</b>	<b>18.863.184.771</b>	<b>53.817.844.360</b>

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.089.889.091	20.440.647.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	183.786.389.665	175.763.310.263
Đầu tư dài hạn	266.400.000.000	229.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>485.276.278.756</b>	<b>425.203.957.994</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	2.708.958.320	13.322.833.324
Phải trả người bán và phải trả khác	42.125.778.623	26.308.246.596
<b>Cộng</b>	<b>44.834.736.943</b>	<b>39.631.079.920</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**3.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>			
Các khoản vay	712.300.008	1.996.658.312	2.708.958.320
Phải trả người bán và phải trả khác	42.125.778.623	-	42.125.778.623
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.838.078.631</b>	<b>1.996.658.312</b>	<b>44.834.736.943</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>			
Các khoản vay	12.870.000.008	452.833.316	13.322.833.324
Phải trả người bán và phải trả khác	26.308.246.596	-	26.308.246.596
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>39.178.246.604</b>	<b>452.833.316</b>	<b>39.631.079.920</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**Tại ngày 30/06/2021**

Tiền và các khoản tương đương tiền	35.089.889.091	-	35.089.889.091
Phải thu khách hàng và phải thu khác	183.786.389.665	-	183.786.389.665
Đầu tư dài hạn	-	266.400.000.000	266.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>218.876.278.756</b>	<b>266.400.000.000</b>	<b>485.276.278.756</b>

**Tại ngày 01/01/2021**

Tiền và các khoản tương đương tiền	20.440.647.731	-	20.440.647.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	175.763.310.263	-	175.763.310.263
Đầu tư dài hạn	-	229.000.000.000	229.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>196.203.957.994</b>	<b>229.000.000.000</b>	<b>425.203.957.994</b>

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng năm 2021**

Ngày 28/7/2021, Hội đồng quản trị ra Nghị quyết số 2807/NQ-HĐQT về việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chào bán riêng lẻ 25.000.0000 cổ phiếu hoàn thành ngày 24/10/2020.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt – Chi nhánh Miền Bắc Kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt – Chi nhánh Miền Bắc soát xét. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại phù hợp :

**Tại thời điểm 01/01/2021**

	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/Giảm(-)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>504.771.634.730</b>	<b>504.826.009.657</b>	<b>(54.374.927)</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>318.444.263</b>	<b>372.819.190</b>	<b>(54.374.927)</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.001.212	56.376.139	(54.374.927)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>279.191.075.403</b>	<b>279.136.700.476</b>	<b>54.374.927</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>229.000.000.000</b>	<b>229.000.000.000</b>	<b>-</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	178.000.000.000	229.000.000.000	(51.000.000.000)
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	51.000.000.000		51.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>54.374.927</b>	<b>-</b>	<b>54.374.927</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	54.374.927	-	54.374.927



**Phạm Huy Thành**  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 10 tháng 08 năm 2021

**Nguyễn Thị Bích**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Quyền**  
Người lập biểu



Số: 1008/2021/CV-MBG

(v/v: Giải trình lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2021)

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc lập công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần tập đoàn MBG giải trình việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2021 biến động giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2020: 25.462.007.239 đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN sáu tháng đầu năm 2021: 12.818.212.441 đồng.
- Chênh lệch giảm: 12.643.794.798 đồng tương đương với tỷ lệ giảm: 49.6% nguyên nhân do:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	324.642.624.369	364.218.414.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	324.642.624.369	364.218.414.468
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	305.179.159.735	329.422.841.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.463.464.634	34.795.572.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.511.188	2.288.847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	288.771.221	721.391.889
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		288.771.221	726.473.117
8. Chi phí bán hàng	24		718.559.538	202.386.223
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.382.272.372	2.037.574.523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.076.372.691	31.836.509.049
11. Thu nhập khác	31		3	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	3	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.076.372.694	31.836.509.049
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	3.258.160.253	6.374.501.810
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.818.212.441	25.462.007.239

- Doanh thu 06 tháng đầu năm 2021 so với 06 tháng đầu năm 2020 giảm 39.575.790.099 đồng tương ứng giảm 10.86%.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2021 so với 06 tháng đầu năm 2020 tăng 344.697.849 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 16.9%.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 của công ty. Đính kèm công văn này là báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2021 đã được kiểm toán.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD, BKS (b/c);
- CBTT (Website);
- Lưu HC, TCKT.
- Trưởng BKS;

